BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Nghiên cứu Marketing - 1104015
Mã lớp học phần: 110401505 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tân Mỹ
Ngày thi: 15/12/2014 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.9**

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: [signature]
Giám thị 2: Minh Trí Ký tên: [signature]
Giám thị 3: Quang Minh Ký tên: [signature]
Giám thị 4: ____ Ký tên: ____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090519	Nguyễn Thị Ngọc	**Trân**	23/06/1994	[signature]		3,5	Ba, Năm	C14QT5	
2	1210090537	Đào Đệ	**Trinh**	15/03/1994	[signature]		1	Một	C14QT5	
3	1210090535	Lê Nguyễn Bảo	**Trinh**	05/06/1994	[signature]		3,5	Ba, Năm	C14QT5	
4	1210090536	Lê Thị Huyền	**Trinh**	04/01/1994	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
5	1210090540	Thái Mỹ	**Trinh**	07/04/1994	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
6	1210090541	Võ Thị Việt	**Trinh**	28/05/1994	[signature]		5	Năm	C14QT5	
7	1210090533	Nguyễn Minh	**Trí**	24/12/1994	[signature]		3	Ba	C14QT5	
8	1210090544	Đoàn Cao	**Trung**	10/08/1994	[signature]		3	Ba	C14QT5	
9	1210090545	Đoàn Đức	**Trung**	27/05/1991	[signature]		3,5	Ba, năm	C14QT5	
10	1210090542	Lê Phan Thành	**Trung**	20/02/1994	[signature]		1	Một	C14QT5	
11	1210090546	Trần Văn	**Trung**	20/05/1994	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
12	1210090547	Lê Thị Thanh	**Trúc**	15/10/1994	[signature]		5	Năm	C14QT5	
13	1210090548	Lương Thanh	**Trúc**	03/08/1994	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
14	1210090549	Lê Anh	**Tuấn**	27/03/1994	[signature]		2	Hai	C14QT5	
15	1210090552	Trần Thanh	**Tuấn**	22/02/1994	[signature]		2	Hai	C14QT5	
16	1210090559	Nguyễn Thị Bích	**Tuyền**	15/08/1994	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
17	1210090561	Võ Thị Thanh	**Tuyền**	19/02/1993	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
18	1210090558	Nguyễn Thị Kim	**Tuyến**	16/10/1994	[signature]		5	Năm	C14QT5	
19	1210090562	Nguyễn Thị Ánh	**Tuyết**	28/10/1994	[signature]		5	Năm	C14QT5	
20	1210090555	Nguyễn Thị Hoàng	**Tú**	24/03/1994	[signature]		3	Ba	C14QT5	
21	1210090556	Nguyễn Thị Kim	**Tú**	30/08/1994	[signature]		6	Sáu	C14QT5	
22	1210090557	Trần Quốc	**Tú**	10/11/1994	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
23	1210090508	Nguyễn Phước	**Tường**	03/09/1993	[signature]		3	Ba	C14QT5	
24	1210090509	Trần Văn	**Tứ**	28/08/1993	[signature]		6	Sáu	C14QT5	
25	1210090564	Nguyễn Lê	**Uyên**	02/10/1994	[signature]		3,5	Ba, năm	C14QT5	
26	1210090569	Đào Thị Mộng	**Vân**	17/10/1993	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
27	1210090568	Đặng Thảo	**Vân**	15/10/1993	[signature]		5	Năm	C14QT5	
28	1210090567	Hồng Thanh	**Vân**	22/04/1994	[signature]		3	Ba	C14QT5	
29	1210090570	Nguyễn Thị	**Vân**	06/11/1994	[signature]		3	Ba	C14QT5	
30	1210090573	Nguyễn Thị Thu	**Vân**	20/06/1994	[signature]		2	Hai	C14QT5	
31	1210090574	Võ Đặng Hồng	**Vân**	01/10/1994	[signature]		6	Sáu	C14QT5	
32	1210090577	Lê Chí	**Vinh**	15/06/1993	[signature]		4	Bốn	C14QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090579	Nguyễn Phát Phú	**Vinh**	06/01/1994			2,5	Hai, năm	C14QT5	
34	1210090580	Trần Phúc	**Vĩ**	08/05/1994			5	Năm	C14QT5	
35	1210090584	Nguyễn Hoàng	**Vũ**	26/09/1994			2	Hai	C14QT5	
36	1210090582	Nguyễn Hồng	**Vũ**	17/11/1992			5	Năm	C14QT5	
37	1210090585	Nguyễn Xuân	**Vũ**	24/05/1994			3	Ba	C14QT5	
38	1210090586	Phạm Ngọc Tấn	**Vũ**	07/07/1993			4	Bốn	C14QT5	
39	1210090581	Lê Quốc	**Vương**	06/02/1994			4	Bốn	C14QT5	
40	1210090587	Lê	**Vy**	03/04/1993			6	Sáu	C14QT5	
41	1210090589	Nguyễn Phương Thúy	**Vy**	28/09/1994			5	Năm	C14QT5	
42	1210090590	Nguyễn Thị Ngọc	**Vy**	18/10/1994			5	Năm	C14QT5	
43	1210090591	Nguyễn Thị Yến	**Vy**	22/12/1994			3,5	Ba, năm	C14QT5	
44	1210090592	Thái Thị Thanh	**Vy**	23/09/1993			5	Năm	C14QT5	
45	1210090593	N Jan Thượng	**Vỹ**	05/03/1993			4	Bốn	C14QT5	
46	1210090594	Liêu Thanh	**Xuân**	27/11/1994			1	Một	C14QT5	
47	1210090595	Trần Thị Kim	**Xuyên**	15/05/1994			3	Ba	C14QT5	
48	1110090440	Hà Hải	**Yến**	04/06/1993			3,5	Ba, năm	C14QT5	
49	1210090597	Huỳnh Xuân	**Yến**	01/04/1994			3	Ba	C14QT5	
50	1210090598	Lê Thị Hoàng	**Yến**	27/10/1994			3,5	Ba, năm	C14QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Nghiên cứu Marketing - 1104015
Mã lớp học phần: 110401505 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tân Mỹ
Ngày thi: 15/12/2014 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.10**

Giám thị 1: Ngô Dương Ký tên:
Giám thị 2: Kiều Nhi Ký tên:
Giám thị 3:__________ Ký tên:__________
Giám thị 4:__________ Ký tên:__________

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090601	Lê Đỗ Thục	**Anh**	18/07/1994			4	Bốn	C14QT5	
2	1210090481	Phạm Ngọc	**Châm**	07/01/1994			9	Chín	C14QT5	
3	1210090483	Trần Thị Thu	**Hằng**	28/07/1994			2	Hai	C14QT5	
4	1210090484	Nguyễn Thị Thái	**Huyền**	23/07/1994			3	Ba	C14QT5	
5	1210090602	Vương Phương	**Thảo**	13/09/1994			2,5	Hai, năm	C14QT5	
6	1210090486	Hoàng Mai	**Thi**	12/05/1994			4	Bốn	C14QT5	
7	1210090487	Cao Thị Bé	**Thùy**	05/11/1994			4	Bốn	C14QT5	
8	1210090488	Trần Thị Hồng	**Thủy**	26/02/1994			5	Năm	C14QT5	
9	1210090489	Trương Thị Bích	**Thủy**	05/01/1994			4	Bốn	C14QT5	
10	1210090498	Đinh Thị Thủy	**Tiên**	01/11/1994			4	Bốn	C14QT5	
11	1210090497	Nguyễn Nữ Nhật	**Tiên**	19/09/1993			4,5	Bốn, năm	C14QT5	
12	1210090499	Phạm Thị Mỹ	**Tiên**	26/04/1994			4	Bốn	C14QT5	
13	1210090495	Dương Hửu	**Tiền**	1993			4,5	Bốn, năm	C14QT5	
14	1210090490	Dương Đức	**Tiến**	21/02/1993			4	Bốn	C14QT5	
15	1210090492	Phan Phước	**Tiến**	02/03/1993			3	Ba	C14QT5	
16	1210090494	Trần Lý Ngọc	**Tiến**	04/01/1994			3	Ba	C14QT5	
17	1210090500	Nguyễn Minh	**Tiếng**	21/12/1994			6	Sáu	C14QT5	
18	1210090504	Hà Văn	**Toàn**	10/07/1994			4	Bốn	C14QT5	
19	1210090506	Nguyễn Minh	**Toàn**	20/12/1992			6	Sáu	C14QT5	
20	1210090523	Bùi Thị Hồng	**Trang**	16/02/1994			4	Bốn	C14QT5	
21	1210090524	Bùi Thị Minh	**Trang**	12/01/1994			6	Sáu	C14QT5	
22	1210090526	Đào Thị Thảo	**Trang**	17/06/1994			3,5	Ba, năm	C14QT5	
23	1210090525	Huỳnh Thị Thùy	**Trang**	28/03/1994			4	Bốn	C14QT5	
24	1210090527	Ngô Thị Hồng	**Trang**	25/09/1994			5	Năm	C14QT5	
25	1210090528	Nguyễn Thị	**Trang**	05/06/1994			5	Năm	C14QT5	
26	1210090529	Nguyễn Thị Hà	**Trang**	20/02/1994			1,5	Một, năm	C14QT5	
27	1210090530	Nguyễn Thị Thanh	**Trang**	03/02/1994			6	Sáu	C14QT5	
28	1210090532	Phan Thùy	**Trang**	27/07/1994					C14QT5	Nợ HP
29	1210090522	Phạm Thị	**Trắng**	15/04/1994			3	Ba	C14QT5	
30	1210090511	Đặng Ngọc	**Trâm**	19/02/1993			4	Bốn	C14QT5	
31	1210090510	Mai Phan Bảo	**Trâm**	25/08/1994			3	Ba	C14QT5	
32	1210090512	Nguyễn Ngọc	**Trâm**	08/04/1993			4	Bốn	C14QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090513	Nguyễn Thị Hương	**Trâm**	17/09/1993	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
34	1210090516	Phùng Thị Ngọc	**Trâm**	20/07/1992	[signature]		4	Bốn	C14QT5	
35	1210090517	Trần Thị Huyền	**Trâm**	02/08/1994	[signature]		5	Năm	C14QT5	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.